

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 10 tháng 8 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tân Nghị

Bà Lê Thị Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2023/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Văn L, sinh ngày 05/4/1988 tại Quảng Nam;

Nơi cư trú: thôn B, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị B (SN: 1960); Đã ly hôn và có 01 con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/3/2023, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại: Công ty cổ phần tập đoàn U; Địa chỉ: 54/54 N, phường Đ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Như L – chức danh: Tổng giám đốc; Địa chỉ: C6, KDC A đường L, xã P, huyện N, TP. Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Tống Thị Thu H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 121, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Tổ 20, phường A, quận T, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Dương Thị L, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Tổ 28, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Trương Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Tổ 30, phường H, quận C, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Phi Y, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Tổ 62, phường H, quận N, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Trần Thị Phương L, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ 23, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Lan N, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Phan Thị Thanh N, sinh năm 1987; Nơi cư trú: 233 H, phường H, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Lê Thị Ngọc Ly, sinh năm 1983; Địa chỉ; 343 H, quận L, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

+ Bà Đặng Thị Lê Thanh, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Tổ 9, phường T, quận T, tp Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn L là nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần Tập đoàn U chi nhánh Đà Nẵng. L được giao phụ trách bán hàng và thu hồi công nợ của khách hàng tại thị trường thành phố Đà Nẵng. Vào tháng 06 và đầu tháng 7 năm 2022, L đã thu tiền của nhiều khách hàng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nhưng không viết phiếu thu tiền, không nộp tiền về cho công ty cổ phần Tập đoàn U (viết tắt công ty U) theo như quy định việc quản lý công nợ khách hàng của công ty U. Đến ngày 12/7/2022, công ty U nghi ngờ L có thu tiền của khách hàng nhưng không nộp về công ty U, thì tối cùng ngày, L đã khai báo với công ty U về hành vi của mình và thông báo cho công ty U biết L còn giữ lại số tiền khoảng 200.000.000 đồng L thu của khách hàng nhưng chưa kịp nộp về công ty U. Sau khi L thừa nhận, công ty U cho L tạm nghỉ việc để công ty U tiếp tục đi đối chiếu công nợ với khách hàng để xác định số tiền L đã thu của khách hàng không nộp về công ty U và công ty U yêu cầu L sáng ngày 15/7/2022 lên làm việc với công ty U, giao nộp lại số tiền đã thu của khách hàng cho công ty U. Đến ngày 15/7/2022, công ty U đối chiếu xong số tiền công nợ với khách hàng và làm việc với L thì phát hiện L đã thu của khách hàng số tiền 698.628.540 đồng nhưng chưa nộp về công ty U. Qua làm việc, L đã nộp lại cho công ty U số tiền 200.380.779 đồng đây là tiền mà L đã thu của khách hàng trước đó chưa kịp nộp về công ty U và tiền lương, tiền thưởng của L. Còn lại số tiền 498.247.761 đồng L đã thu của các khách hàng không nộp về công ty U mà chiếm đoạt dùng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Cụ thể thu của các khách hàng như sau:

- Cửa hàng H (Địa chỉ: 681 N, quận L, Thành phố Đà Nẵng) số tiền 34.016.400 đồng.

- Cửa hàng Hu (Địa chỉ: K48 N, quận L, thành phố - Đà Nẵng) số tiền 51.979.760 đồng.

- Cửa hàng T (Địa chỉ: 36 Đ quận L, thành phố Đà Nẵng) số tiền 45.855.680 đồng.

- Cửa hàng Tu (Địa chỉ: đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng) số tiền 49.985.062 đồng.
- Cửa hàng V (Địa chỉ: 14-16 đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng) số tiền 31.677.120 đồng.
- Cửa hàng K (Địa chỉ: 229 H, quận L, thành phố Đà Nẵng) số tiền 57.154.320 đồng.
- Cửa hàng L (Địa chỉ: 343 H, quận L, thành phố Đà Nẵng) số tiền 61.733.296 đồng.
- Cửa hàng D (Địa chỉ: 521-523 T, quận L, thành phố Đà Nẵng) số tiền 20.420.300 đồng.
- Cửa hàng S 1 (Địa chỉ: 511 T, quận L, thành phố Đà Nẵng) số tiền 92.611.573 đồng.
- Cửa hàng A (Địa chỉ: DT602, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng) số tiền 52.814.250 đồng.

Đến ngày 29/8/2022, công ty cổ phần Tập Đoàn U chi nhánh Đà Nẵng đã làm đơn tố cáo Trương Văn L có hành vi chiếm đoạt số tiền 498.247.761 đồng của Công ty đến Cơ quan Công an huyện Hòa Vang để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang đã triệu tập L đến làm việc và qua làm việc Trương Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSHV ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, Tp. Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trương Văn L về tội “Tham ô tài sản” qui định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trương Văn L và đề nghị HĐXX áp dụng điểm c, d khoản 2, 6 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Văn L từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù; Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự buộc Trương Văn L có nghĩa vụ trả lại cho công ty U số tiền còn lại 398.247.761 đồng; Tuyên Trương Văn L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thu thập đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Vang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, Điều tra viên cũng như Kiểm sát viên đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà pháp luật quy định. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp được chấp nhận để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: Trương Văn L là nhân viên kinh doanh của công ty cổ phần Tập Đoàn U chi nhánh Đà Nẵng được giao phụ trách bán hàng và thu hồi công nợ của khách và nộp tiền về cho công ty U. Tuy nhiên trong tháng 6 và đầu tháng 7 năm 2022, L đã lợi dụng trách nhiệm và quyền hạn thu hồi nợ của mình nhiều lần thu tiền của khách hàng nhưng không nộp về cho công ty U theo như quy định mà chiếm đoạt của công ty U tổng số tiền 498.247.761 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá

nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” qui định tại Điều 353 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 53/CT-VKSHV ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, Tp. Đà Nẵng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án cũng như mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong tháng 6 và đầu tháng 7 Trương Văn L đã nhiều lần thu hồi nợ của 10 cửa hàng bán sản phẩm của công ty U với tổng số tiền 498.247.761đ nhưng L chiếm đoạt sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân mà không nộp về công ty theo quy định. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000đ đến dưới 500.000.000đ quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo là người có học, hiểu biết và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp để đạt được mục đích. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ. Do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã nhận ra lỗi của mình và thể hiện sự ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả cho người bị hại và người bị hại có đơn bãi nại xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo, gia đình bị cáo có nhiều người có công cách mạng, cha ruột tên Trương Văn T được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, khi cha bị cáo còn sống thì ông là người thờ cúng liệt sỹ, hiện tại ông đã chết nên bị cáo là người thờ cúng liệt sỹ. Vì vậy, HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trương Văn L đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho công ty U số tiền 100.000.000đ, công ty U yêu cầu Trương Văn L tiếp tục trả số tiền còn lại 398.247.761đ, do đó HĐXX căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự buộc Trương Văn L tiếp tục bồi thường số tiền 398.247.761đ cho công ty U.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 19.912.388đ (mười chín triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi tám đồng) ($398.247.761đ \times 5\% = 19.912.388đ$)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c, d khoản 2, 6 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn L phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt: Trương Văn L 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 10/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Trương Văn L tiếp tục bồi thường cho công ty cổ phần Tập đoàn U số tiền 398.247.761đ (Ba trăm chín mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi mốt đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 19.912.388đ (mười chín triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 10/8/2023. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- VKSND tp ĐN;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Công an huyện Hoà Vang;
- Phòng Kiểm tra TAND tpĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương